

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 2866 /QĐ-UBND

Châu Phú, ngày 24 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách
năm 2020 của huyện Châu phú

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông báo số 1078/TB-STC ngày 30/7/2021 của Sở Tài chính về thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước niên độ 2020 huyện Châu phú;

Căn cứ Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu phú về việc phê chuẩn quyết toán dự toán thu – chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện huyện Châu phú năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của huyện Châu phú (theo các biểu đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng huyện ủy, HĐND và UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể huyện;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT. 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Lâm



UBND HUYỆN CHÂU PHÚ

Biểu số: 96/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020Kèm theo Quyết định số: 2866./QĐ-UBND ngày 24./9./2021 của UBND huyện Châu phú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh %
A	B	1	2	3=2/1
A	Tổng nguồn thu ngân sách huyện	666.689	964.226	144,63
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	97.757	114.309	116,93
	- Thu ngân sách huyện được hưởng 100%	64.697	80.531	124,47
	- Thu ngân sách huyện được từ các khoản phân chia	33.060	33.778	102,17
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	568.932	712.414	125,22
	- Bổ sung cân đối ngân sách	548.382	547.433	99,83
	- Bổ sung có mục tiêu	20.550	164.981	802,83
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			
4	Thu kết dư		104.059	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		33.444	
B	Tổng chi ngân sách huyện	666.689	964.176	144,62
I	Chi cân đối ngân sách huyện	666.689	793.520	119,02
1	Chi đầu tư phát triển	36.312	42.354	116,64
2	Chi thường xuyên	617.904	751.166	121,57
3	Chi dự phòng	12.473		0,00
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
II	Chi các chương trình mục tiêu		0	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
III	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		153.320	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		17.336	



UBND HUYỆN CHÂU PHÚ

Biểu số: 97/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Kèm theo Quyết định số: 2866/QĐ-UBND ngày 4/9/2021 của UBND huyện Châu Phú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh %	
		Thu NSNN	Thu NS Huyện	Thu NSNN	Thu NS Huyện	Thu NSNN	Thu NS Huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN	101.100	98.380	258.578	251.812	255,76	255,96
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	101.100	98.380	121.075	114.309	119,76	116,19
I	Thu nội địa	101.100	98.380	121.075	114.309	119,76	116,19
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	120		523	0		
	- Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước			430			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			93			
	- Thuế môn bài						
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0		
	- Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế môn bài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	36.000	36.000	39.936	39.936	110,93	110,93
	- Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước	28.930	28.930	29.671	29.671	102,56	102,56
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.850	3.850	3.983	3.983	103,45	103,45
	- Thuế TTDB, HH, DV trong nước	2.940	2.940	6.159	6.159	209,49	209,49
	- Thuế tài nguyên	280	280	123	123	43,93	43,93
	- Thu khác ngoài quốc doanh						
5	Thuế thu nhập cá nhân	21.000	21.000	24.491	24.491	116,62	116,62
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	10.000	10.000	10.562	10.562	105,62	105,62
8	Thu phí, lệ phí	4.659	4.659	6.379	5.352	136,92	114,87
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	355	355	336	336	94,65	94,65
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	281	281	899	899	319,93	319,93
12	Thu tiền sử dụng đất	12.000	12.000	11.918	11.918	99,32	99,32
13	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	16.685	14.085	26.031	20.815	156,01	147,78
17	Thu từ quỹ đầy công ích, hoa lợi công sản khác						
II	Thu viện trợ						
B	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			104.059	104.059		
C	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			33.444	33.444		



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 2866/QĐ-UBND ngày 24/.../9/2021 của UBND huyện Châu phú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh %		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	666,689	560,341	106,348	964,176	786,725	177,451	144.62	140.40	166.859
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	666,689	560,341	106,348	793,520	657,285	136,235	119.02	117.30	128.103
I	Chi đầu tư phát triển	36,312	36,312		42,354	42,354		116.64	116.64	
1	Chi đầu tư cho các dự án	36,312	36,312		42,354	42,354		116.64	116.64	
	Trong đó: chia theo lĩnh vực	0			0					
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5,802	5,802		1,861	1,861		32.08	32.08	
	- Chi khoa học và công nghệ	900	900		1,861	1,861		206.78	206.78	
	Trong đó: chia theo nguồn vốn	0								
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	12,000	12,000		6,005	6,005		50.04	50.04	
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết									
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	617,904	513,656	104,248	751,166	614,931	136,235	121.57	119.72	130.684
	Trong đó:				0					
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	316,161	315,236	925	304,452	303,719	733	96.30	96.35	79.2432
	- Chi khoa học và công nghệ									
III	Dự phòng ngân sách	12,473	10,373	2,100						
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH M. TIÊU	0	0				0			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				1,469	1,469				
1	Chi chương trình nôn thôn mới				1,469	1,469				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ									
										
C	CHI CH. NGUỒN SANG NĂM SAU				153,320	112,104	41,216			
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				17,336	17,336				



UBND HUYỆN CHÂU PHÚ

Biểu số: 99/CK-NSNN

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG
LĨNH VỰC NĂM 2020**(Kèm theo Quyết định số: 2866/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND huyện Châu phú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	646.909	902.919	139,57
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NS XÃ	86.568	116.194	
B	CHI NS CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	560.341	657.285	117,30
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển	36.312	42.354	116,64
1	Chi đầu tư cho các dự án	35.112	42.354	120,62
	Trong đó:			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.802	4.561	78,61
	Chi khoa học và công nghệ	900	1.861	206,78
	Chi quốc phòng	100	60	-40
	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.312	2.383	-929
	Chi y tế, dân số và gia đình			
	Chi văn hóa thông tin	300	9	2,89
	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
	Chi thể dục thể thao			
	Chi bảo vệ môi trường			
	Chi các hoạt động kinh tế	3.898	6.053	155,28
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	20.800	27.427	131,86
	Chi đảm bảo xã hội			
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.200		
II	Chi thường xuyên	513.656	614.931	119,72
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	315.236	303.719	96,35
2	Chi khoa học và công nghệ			
-	Chi quốc phòng	5.560	7.453	134,05
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.500	2.437	97,48
3	Chi y tế, dân số và gia đình	300	52.969	
4	Chi văn hóa thông tin	3.522	2.974	84,44
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.206	3.305	103,09
6	Chi thể dục thể thao		615	
7	Chi bảo vệ môi trường	7.178	6.786	94,54
8	Chi các hoạt động kinh tế	63.868	100.033	156,62
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	43.416	45.133	103,95
10	Chi đảm bảo xã hội	65.655	82.656	125,89
11	Chi thường xuyên khác	3.215	6.851	213,09
III	Dự phòng ngân sách	10.373		0,00
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		112.104	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		17.336	

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND huyện Châu phú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán							So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Dự toán chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1=2+3	2	3	4=5+...+7	5	6	7=8+9	8	9	10	11=4/1	12=5/2	13=6/3
	TỔNG SỐ	560.341	36.312	524.029	808.267	42.354	753.459	1.469	-	1.469	22.774	144,25	116,64	143,78
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	549.968	36.312	513.656	657.285	42.354	613.462	1.469	-	1.469	22.774	119,51	116,64	119,43
1	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.736	-	1.736	3.888	-	3.888	-	-	-	-	223,96		223,96
2	- Phòng Văn hóa Thông tin	1.299	-	1.299	1.720	-	1.720	-	-	-	-	132,41		132,41
3	- Phòng Nội vụ	4.334	-	4.334	4.542	-	4.542	-	-	-	41	104,80		104,80
4	- Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.295	-	1.295	12.456	-	10.987	1.469	-	1.469	-	961,85		848,42
5	- Phòng Tư Pháp	846	-	846	856	-	856	-	-	-	-	101,18		101,18
6	- Phòng Kinh tế - Hạ tầng	27.052	-	27.052	30.763	3.172	27.591	-	-	-	-	113,72		101,99
7	- Phòng Y Tế	661	-	661	671	-	671	-	-	-	-	101,51		101,51
8	- Phòng Tài nguyên & Môi trường (Trong đó trích 10% tiền sử dụng chi đo đạc, cấp GCN OSD đất....)	3.976	1.200	2.776	5.297	-	5.297	-	-	-	-	133,22		190,81
9	- Thanh tra	1.267	-	1.267	1.186	-	1.186	-	-	-	85	93,61		93,61
10	- Phòng lao động Thương binh & XH	66.798	-	66.798	82.798	-	82.798	-	-	-	541	123,95		123,95
11	- Phòng giáo dục & Đào tạo	314.870	-	314.870	304.902	-	304.902	-	-	-	9.473	96,83		96,83
12	- Văn phòng Huyện ủy, HĐND & UBND	20.495	900	19.595	24.599	1.861	22.738	-	-	-	292	120,02		116,04
13	UBMTTQVN huyện	1.479	-	1.479	1.488	-	1.488	-	-	-	-	100,61		100,61
14	Hội Cựu Chiến Binh	473	-	473	466	-	466	-	-	-	-	98,52		98,52
15	Huyện Đoàn	1.075	-	1.075	1.054	-	1.054	-	-	-	26	98,05		98,05
16	Hội Nông Dân	781	-	781	756	-	756	-	-	-	-	96,80		96,80
17	Hội Phụ Nữ	860	-	860	850	-	850	-	-	-	-	98,84		98,84
18	Hội Luật gia	68	-	68	68	-	68	-	-	-	-	100,00		100,00
19	Hội người cao tuổi	73	-	73	73	-	73	-	-	-	-	100,00		100,00
20	Hội Khuyến học	106	-	106	106	-	106	-	-	-	-	100,00		100,00
21	Hội Cựu Giáo chức	15	-	15	15	-	15	-	-	-	2	100,00		100,00
22	Hội bảo trợ Người TT.TMC và BNN	86	-	86	86	-	86	-	-	-	2	100,00		100,00
23	Hội Người tù kháng chiến	68	-	68	68	-	68	-	-	-	-	100,00		100,00

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán							So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Dự toán chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1=2+3	2	3	4=5+...+7	5	6	7=8+9	8	9	10	11=4/1	12=5/2	13=6/3
24	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	68	-	68	68	-	68	-	-	-	-	100,00		100,00
25	Hội chữ thập đỏ	447	-	447	378	-	378	-	-	-	94	84,56		84,56
26	Hội Đồng Y	323	-	323	315	-	315	-	-	-	-	97,52		97,52
27	Chi khác QLHC	3.780		3.780	-							0,00		0,00
28	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.137	-	1.137	1.073	-	1.073	-	-	-	10	94,37		94,37
29	Trung tâm phát triển quỹ đất	617	-	617	609	-	609	-	-	-	14	98,70		98,70
30	Trung tâm văn hóa - thể thao	3.523	-	3.523	3.589	-	3.589	-	-	-	4	101,87		101,87
31	Đài Truyền Thanh	3.206	-	3.206	3.305	-	3.305	-	-	-	32	103,09		103,09
32	Ban Quản lý dự án ĐT & XD	68.243	34.212	34.031	92.141	36.626	55.515	-			12.158	135,02		163,13
33	Kinh phí Kiến thiết thị chính và sự nghiệp môi trường giữ lại ngân sách cấp phát theo Hợp đồng dịch vụ công ích năm 2020	9.257		9.257	8.859		8.859	-	-	-		95,70		95,70
34	Công an huyện	2.800	-	2.800	2.773	-	2.773	-	-	-	-	99,04		99,04
35	BCH Quân sự huyện	5.560	-	5.560	7.452	-	7.452	-	-	-	-	134,03		134,03
36	Viện kiểm sát nhân dân	100	-	100	100	-	100	-	-	-	-	100,00		100,00
37	Chi Cục thi hành án dân sự	100	-	100	100	-	100	-	-	-	-	100,00		100,00
38	Tòa án nhân dân	100	-	100	110	-	110	-	-	-	-	110,00		110,00
39	Kho Bạc Nhà nước	116	-	116	116	-	116	-	-	-	-	100,00		100,00
40	Chi Cục Thống kê	30	-	30	30	-	30	-	-	-	-	100,00		100,00
41	Chi khác ngân sách	848		848	-			-	-	-		0,00		0,00
42	UBND xã Khánh Hòa				695	695								
43	Trung tâm y tế				478		478							
44	Công an tỉnh - Hỗ trợ KP di dời đội PCCC				450		450							
45	Ngân hàng chính sách (Chi phí quản lý nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương)				48		48	-	-	-				
46	Lữ đoàn 6, Quân khu 9	-			600		600	-	-	-				
47	Bảo hiểm xã hội huyện (Hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng)	-	-	-	52.288	-	52.288	-	-	-	-			
48	Chi giải quyết cho hộ Lê Văn Bé	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-			
49	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh (Trả nợ vốn vay đầu tư khu TTMM Vĩnh Tre)	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-			

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán							So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Dự toán chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1=2+3	2	3	4=5+...+7	5	6	7=8+9	8	9	10	11=4/1	12=5/2	13=6/3
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	10.373	-	10.373	9.252	-	9.252	-	-	-	-	89,19		89,19
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
VI	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)	-	-	-	29.626	-	29.626	-	-	-	-			
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-	-	-	112.104	10.985	101.119	-	-	-				





UBND HUYỆN CHÂU PHÚ

Biểu số: 101/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 2866/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND huyện Châu phú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN						QUYẾT TOÁN						SO SÁNH %					
		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu			
				Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=7/1	14=8/2	15=9/3	16=10/4	17=11/5	18=12/6
	TỔNG SỐ	86.568	86.568	0	0	0	0	116.194	86.568	29.626	0	29.626	0	134%	100%				
01	Mỹ Đức	6.851	6.851	0				8.795	6.851	1.944		1.944		128%	100%				
02	Mỹ Phú	4.841	4.841	0				8.478	4.841	3.637		3.637		175%	100%				
03	Khánh Hòa	7.150	7.150	0				8.943	7.150	1.793		1.793		125%	100%				
04	Vĩnh Thạnh Trung	7.300	7.300	0				11.867	7.300	4.567		4.567		163%	100%				
05	Thạnh Mỹ Tây	7.317	7.317	0				8.817	7.317	1.500		1.500		121%	100%				
06	Cái Dầu	4.627	4.627	0				6.679	4.627	2.052		2.052		144%	100%				
07	Bình Long	7.605	7.605	0				8.954	7.605	1.349		1.349		118%	100%				
08	Bình Mỹ	5.097	5.097	0				7.213	5.097	2.116		2.116		142%	100%				
09	Bình Thủy	5.230	5.230	0				7.304	5.230	2.074		2.074		140%	100%				
10	Bình Chánh	6.948	6.948	0				8.007	6.948	1.059		1.059		115%	100%				
11	Bình Phú	7.030	7.030	0				8.414	7.030	1.384		1.384		120%	100%				
12	Ô Long Vĩ	8.972	8.972	0				13.669	8.972	4.697		4.697		152%	100%				
13	Đào Hữu Cảnh	7.600	7.600	0				9.055	7.600	1.455		1.455		119%	100%				



THUYẾT MINH SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2020 HUYỆN CHÂU PHÚ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~2866~~ 24/QĐ-UBND ngày 24/9/2021)

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho ngân sách các huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp thứ 15 về việc phê duyệt dự toán thu - chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Châu Phú năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 1078/TB-STC ngày 30/7/2021 của Sở Tài chính về thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước niên độ 2020 huyện Châu phú;

Căn cứ Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu phú về việc phê chuẩn quyết toán thu – chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Châu phú năm 2020,

UBND huyện Châu phú báo cáo thuyết minh số liệu quyết toán thu, chi NSNN năm 2020 của huyện như sau:

I. Phần thu ngân sách nhà nước:

1. Tổng thu NSNN năm 2020: 964.226 triệu đồng đạt 144,63% so dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

a. Thu NSNN từ kinh tế địa bàn (cũng là thu cân đối NSNN): 114.309 triệu đồng, đạt 116,93 % so dự toán huyện giao(đã loại trừ khoản thu ATGT điều tiết về TW), đạt 79,68% so năm 2019.

b. Thu bổ sung từ NS cấp trên : 712.414 triệu đồng

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 547.433 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 164.981 triệu đồng.

c. Thu kết dư ngân sách: 104.059 triệu đồng.

d. Thu chuyển nguồn: 33.444 triệu đồng.

2. Thu ngân sách địa phương:

a. Tổng thu từ kinh tế địa bàn: 114.309 triệu đồng, đạt 116,93 % so dự toán HĐND huyện giao(đã loại trừ khoản thu ATGT điều tiết về TW), đạt 79,68% so năm 2019.

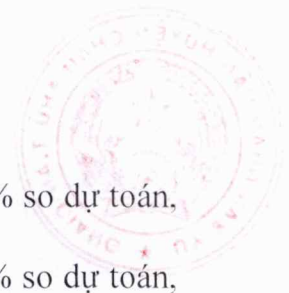
Trong đó, hầu hết các khoản thu đều vượt dự toán, như sau:

- Thu khu vực ngoài quốc doanh: 39.936 triệu đồng, đạt 110,93% so dự toán, tăng thu so với dự toán 3.936 triệu đồng và bằng 100,01% so với cùng kỳ năm 2019.

- Thuế thu nhập cá nhân: 24.491 triệu đồng, đạt 116,62% so dự toán, tăng thu so với dự toán 3.491 triệu đồng và bằng 89,71% so với cùng kỳ năm 2019.

- Lệ phí trước bạ: 10.562 triệu đồng, đạt 105,62% so dự toán, tăng thu 562 triệu đồng và bằng 93,29% so với cùng kỳ năm 2019.

- Thu phí, lệ phí: 5.352 triệu đồng, đạt 136,92% so dự toán, tăng thu 1.316 triệu đồng, bằng 109,36% so với cùng kỳ 2019.



- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 336 triệu đồng, đạt 94,65% so dự toán, giảm thu 19 triệu đồng, bằng 75,85% so với cùng kỳ 2019.

- Thu cho thuê mặt đất, mặt nước: 899 triệu đồng, đạt 319,93 % so dự toán, tăng thu 8.760 triệu đồng và bằng 9,97% so với cùng kỳ năm 2019.

-Thu tiền sử dụng đất: 11.918 triệu đồng, đạt 99,32% so với dự toán hụt thu ngân sách 82 triệu đồng và bằng 42,76% so với cùng kỳ năm 2019.

- Thu khác ngân sách: 20.815 triệu đồng (Đã loại trừ phần điều tiết kinh phí xử phạt ATGT và VPHC), đạt 147,78 %, tăng thu so với dự toán 6.730 triệu đồng và bằng 91,81% so với cùng kỳ năm 2019.

b. Cân đối NSNN năm 2020:

Nhìn chung kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2020 vượt chỉ tiêu dự toán, nếu loại trừ các khoản không tính tăng thu như các khoản tiền sử dụng đất, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã, thu tiền bán, cho thuê nhà ở thuộc SHNN, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải thì số tăng thu ngân sách huyện tạm xác định là **118.212 triệu đồng**, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Số tiền
A.	DT thu ngân sách địa phương năm 2020	87.757
	<i>Trong đó: Tổng số các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL, gồm:</i>	2.000
1	Thu tiền sử dụng đất	2.000
2	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-
3	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
4	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	
B.	Thực hiện thu NSDP năm 2020 (không kể thu chuyển giao ngân sách các cấp và một số khoản thu không có trong công thức)	251.812
	<i>Trong đó: Thu kết dư ngân sách năm 2019</i>	<i>104.059</i>
I	Tổng số các khoản không tính cân đối thu NSDP	33.444
1	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP	-
2	Thu từ các khoản huy động, đóng góp	-
3	Vay của ngân sách nhà nước	-
4	Thu chuyển nguồn	33.444
II	Thu cân đối ngân sách địa phương còn lại (II = B - I)	218.368
	<i>Trong đó: Tổng số các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL, gồm:</i>	14.399
1	Thu tiền sử dụng đất	11.918
2	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-
3	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	2.218
4	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã (không bao gồm thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất công tại xã)	-
5	Thu tiền bán, cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-
6	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	263
C/	Phần tăng/giảm thu ngân sách địa phương năm 2020 (không kể các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL) so với dự toán năm 2020 dành để tính nguồn thực hiện CCTL năm 2021	118.212

Trong số tăng thu trên bao gồm số thu kết dư ngân sách năm trước **104.059 triệu đồng**, số này huyện đã phân bổ sử dụng trong năm 2020 và còn nhiệm vụ chi. Do đó, nếu loại trừ số thu kết dư ngân sách năm trước thì số thực tăng thu ngân sách địa phương năm 2020 là **14.153 triệu đồng** (118.212 – 104.059).

*** Nguyên nhân thu vượt dự toán, chủ yếu do một số khoản thu phát sinh ngoài dự kiến như:**

- Tăng thu thuế ngoài ước doanh: chủ yếu là tăng thu từ doanh nghiệp ngoài tỉnh đến huyện xây dựng các công trình XDCHB trên địa bàn
- Tăng thu thuế thu nhập: chủ yếu là tăng thu từ việc chuyển quyền sử dụng đất các dự án trên địa bàn.
- Tăng thu tiền sử dụng đất : chủ yếu là thu tiền sử dụng đất khu Trung tâm Thương mại Vĩnh tre.
- Tăng thu khác: trong đó, có khoản thu hồi các khoản chi năm trước đạt 4.416 triệu đồng – đây là khoản thu từ ngân sách tỉnh hoàn trả lại cho ngân sách huyện đã chi đầu tư năm trước công trình San lấp rạch Chánh Hưng kết hợp bố trí dân cư – khoản này không giao dự toán; tăng thu từ khoản phạt vi phạm hành chính về ATGT và phạt VPHC khác điều tiết về Trung ương cũng như địa phương hưởng).

II. Chi ngân sách địa phương.

Tổng chi NSDP năm 2020: **964.176 triệu đồng**, đạt 119,64% so dự toán, bằng 125,06% so năm 2019.

1. Chi cân đối ngân sách: 793.520 triệu đồng, đạt 126,45% so dự toán, bằng 104,05% so cùng kỳ năm 2019. Bao gồm các khoản chi:

1.1. Chi đầu tư XDCHB: 42.354 triệu đồng đạt 116,64% so dự toán, bằng 108,25% so cùng kỳ năm 2019.

Bao gồm:

- a. Nguồn vốn tập trung: 36.349 triệu đồng, đạt 149,51% so với dự toán.
- b. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 6.005 triệu đồng, đạt 50,04%, giảm chi 5.995 triệu đồng .

1.2. Chi thường xuyên: 751.166 triệu đồng, đạt 121,57% so dự toán, tăng chi 133.262 triệu đồng, Chia ra:

a. Chi An ninh-Quốc phòng: 32.197 triệu đồng, đạt 107,38 % so với dự toán, tăng chi 2.213 triệu đồng, khoản chi này tăng so với dự toán chủ yếu là chi cho Ban chỉ huy quân sự huyện để chi công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn.

b. Chi giáo dục–đào tạo và dạy nghề: 304.452 triệu đồng, đạt 96,30% so với dự toán, giảm chi 11.711 triệu đồng, chủ yếu giảm chi (tiết kiệm chi), chủ yếu giảm chi từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội như NĐ 86 –miễn giảm học phí, chi phí học tập; chi hỗ trợ tiền trưa cho trẻ 3, 4 & 5 tuổi (2.204 triệu đồng); tiết kiệm chi 10% kinh phí hoạt động 6 tháng cuối năm dùng để chi hỗ trợ chính sách cho người dân gặp khó khăn do dịch Covid -19 (3.103 triệu đồng); Số tiết kiệm chi từ nguồn kinh phí giao tự chủ theo Nghị định 43 (2.482 triệu đồng); giảm chi do điều chỉnh giảm biên chế theo Quyết định UBND tỉnh (1.691 triệu đồng) và giảm kinh phí đào tạo do phòng Nội vụ quản lý.

c. Chi Y tế: 52.969 triệu đồng, đạt 17.656,47 % so với dự toán, tăng chi 52.669 triệu đồng, chủ yếu chi hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng: hộ nghèo,

hộ cận nghèo, Trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, sinh viên, hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống Trung bình, đối tượng Bảo trợ xã hội, Người cao tuổi, Cựu chiến binh và thanh niên xung phong.

d. Chi Văn hóa – Thể thao: 3.572 triệu đồng, đạt 88,87% so với dự toán, giảm chi 448 triệu đồng (chủ yếu tiết kiệm chi một phần theo chủ trương UBND tỉnh và chuyển nội dung thanh toán sang sự nghiệp thể dục thể thao)

đ. Chi Thể dục thể thao: 881 triệu đồng, đạt 284,26% so với dự toán, tăng chi 571 triệu đồng chủ yếu tăng chi từ việc điều chỉnh nguồn sự nghiệp văn hóa sang chi sự nghiệp Thể dục thể thao.

e. Chi Phát thanh, truyền thanh, truyền hình, thông tấn: 3.556 triệu đồng, đạt 102,49% so với dự toán, tăng chi 86 triệu đồng .

f. Chi hoạt động môi trường: 7.934 triệu đồng, đạt 94,58% so dự toán, giảm chi 454 triệu đồng (chủ yếu giảm chi công tác thu gom rác thải sinh hoạt).

g. Chi sự nghiệp kinh tế: 110.571 triệu đồng, đạt 172,52 % so với dự toán, tăng chi 46.478 triệu đồng. Trong đó:

Chủ yếu tăng chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh, nguồn năm trước mang sang và nguồn kết dư ngân sách: kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP triệu đồng, kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại do lũ lớn ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, KP thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi lúa sang ngô năm 2016 và năm 2017, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ năm 2016 và năm 2017 và 2 đợt năm 2020; kinh phí hỗ trợ giống cây trồng và phân bón, thuốc BVTV để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai năm 2015 và năm 2016, kinh phí thực hiện xây dựng đề án thành lập thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu phú, tăng chi phí quy hoạch sử dụng đất từ nguồn trích 10% tiền sử dụng đất, tăng chi kinh phí sự nghiệp giao thông.

h. Chi quản lý hành chính: 120.505 triệu đồng, đạt 103,79 % so với dự toán, tăng chi 4.403 triệu đồng chủ yếu là tăng chi kinh phí Đại hội Đảng các cấp (Kèm biểu thuyết minh).

i. Chi đảm bảo xã hội: 98.556 triệu đồng, đạt 148,93 % so dự toán, tăng chi 32.454 triệu đồng, chủ yếu là tăng chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh như: hỗ trợ hộ dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19; chi hỗ trợ thường xuyên và tiền tết cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

k. Các khoản chi khác: 15.970 triệu đồng, đạt 179,42% so với dự toán, tăng chi 7.069 triệu đồng (Kèm biểu thuyết minh).

Trong đó: Chi dự phòng: 11.250 triệu đồng, đạt 90,19%, trong đó: chi dự phòng cấp huyện 9.544 triệu đồng, cấp xã 1.706 triệu đồng (Kèm biểu thuyết minh).

2. Chi chuyển giao (chi nộp trả ngân sách cấp trên): 17.336 triệu đồng.

3. Chi chuyển nguồn: 153.320 triệu đồng.

- Cấp huyện : 112.104 triệu đồng.

- Cấp xã: : 41.216 triệu đồng.

Tình hình chi ngân sách địa phương năm 2020 tăng cao hơn so dự toán giao chủ yếu là do chi thanh toán các khoản chuyển nguồn của năm trước, tăng chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của tỉnh và trung ương như: tăng chi đầu tư dự án khu

dân cư Trung tâm thương mại Vĩnh Tre từ nguồn thu sử dụng đất; tăng chi hỗ trợ mua thẻ BHYT hộ nghèo, hộ cận nghèo, Trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, sinh viên, hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống Trung bình, đối tượng Bảo trợ xã hội, Người cao tuổi, Cựu chiến binh và thanh niên xung phong; Chính sách đảm bảo xã hội theo Nghị định 136, hỗ trợ hộ nghèo tiền điện, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, chi gia cố đê bao, nạo vét kênh mương cạn kiệt từ nguồn miễn thủy lợi phí tạo nguồn do tỉnh hỗ trợ, chi hỗ trợ chính sách bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP. Đặc biệt là chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của Đại dịch Covid – 19.

Theo kết quả thu, chi NSNN đã phân tích trên thì kết dư ngân sách nhà nước của huyện năm 2020 được **50 triệu đồng** (946.226 - 946.176), trong đó:

- Kết dư cân đối ngân sách cấp huyện: 01 triệu đồng, đây là khoản thực kết dư ngân sách và cũng là khoản tăng thu ngân sách năm 2020.

- Kết dư cân đối ngân sách cấp xã: 49 triệu đồng.

(Kèm bảng thuyết minh kết dư ngân sách).

Nhìn chung, tình hình thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 đã đáp ứng được nhu cầu cho bộ máy hoạt động hành chính sự nghiệp trong toàn huyện và cơ bản đáp ứng được một phần chi đầu tư xây dựng cơ bản theo dự toán được giao, đảm bảo đầy đủ nguồn chi cho an sinh xã hội, từ đó tích cực góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và ổn định chính trị ở địa phương.

Trên đây là báo cáo thuyết minh kết quả thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 của huyện Châu Phú./.